

Bản án số: 12/2020/HS-ST

Ngày: 21/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thiện**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Viết Côi** và ông **Nguyễn Hạ T**

*** Thư ký phiên tòa:** Bà **Tường Thị L**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.

*** Đ1 diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:**

Bà **Nguyễn Thị Cúc**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/HSST-QĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 đối với:

*** Bị cáo:** **Nguyễn Văn V** - s/lh năm 1954; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn NL, xã LH, huyện UH, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 07/10. Dân tộc: KH. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Mạnh H, con bà Đinh Thị N (đều đã chết). Có vợ: **Kiều Thị I** - s/lh năm 1956. Có 06 con (lớn s/lh năm 1977, nhỏ s/lh năm 1992). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 22/12/2019 đến ngày 28/12/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng “*Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh **Ngô Đức T** - s/lh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: Tổ 8, phường PT, thị xã NL, tỉnh YB (Vắng mặt).

2. Anh **Trần Văn Đ** - s/lh năm 1989; Trú tại: thôn NX, xã VT, huyện UH, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

3. Chị **Nguyễn Thị L** - s/lh năm 1987; Quê quán: thôn QS, xã CR, huyện LS, tỉnh Hòa B (Vắng mặt).

4. Bà **Kiều Thị I** - s/lh năm 1957 (Vắng mặt);

5. Anh **Nguyễn Văn T1** - s/lh năm 1976 (Vắng mặt);

6. Anh **Nguyễn Văn T2** - s/lh năm 1981 (Vắng mặt);

7. Anh **Nguyễn Văn Q** - s/lh năm 1983 (Vắng mặt);

8. Anh **Nguyễn Văn Đ1** - s/lh năm 1990 (Vắng mặt);

9. Anh **Nguyễn Văn K** - s/lh năm 1992 (Vắng mặt);

Đều trú tại: thôn NL, xã LH, huyện UH, thành phố Hà Nội.

10. Chị Nguyễn Thị B - sinh năm 1987(Vắng mặt).
Trú tại: thôn DX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/12/2019, Nguyễn Thị L ở QS, CR, huyện LS đến nhà nghỉ B An tại thôn NL, xã LH, huyện UH, thành phố Hà Nội gặp Nguyễn Văn V là chủ nhà nghỉ XI làm nhân viên bán dâm; L nói với V “*cho cháu làm nhân viên ở đây, có khách nào mua dâm thì bảo cháu để cháu đi bán dâm*”, V đồng ý và thỏa thuận với L, V bao ngủ, nghỉ cho L tại nhà nghỉ, ăn uống thì L tự túc, khi nào có khách đến mua dâm V sẽ thu của khách 300.000 đồng, chia cho L 200.000 đồng còn V được hưởng 100.000 đồng.

Đến khoảng 19 giờ ngày 22/12/2019 Ngô Đức T, sinh năm 1983 (ĐKKHKT: Tổ 8, phường PT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái; hiện đang cư trú ở NX, VT, UH, Hà Nội) đi bộ từ nhà ra đầu làng NX chơi thì gặp bạn là Trần Văn Đ, sinh năm 1989 ở cùng thôn; T rủ Đ “*có đi đóng gạch không anh mời*”, Đ hiểu T muốn rủ mình đi mua dâm nên đáp “*có, đóng gạch ở đâu anh*”, T nói “*chú cứ đi theo anh*”. Sau đó, T lấy điện thoại gọi cho Nguyễn Văn V là chủ nhà nghỉ B An nói “*chú à, cháu có đưa em mới đi làm ở Sài Gòn về muốn đi chơi, dưới chú có gái không, bố trí cho cháu 02 em đẹp đẹp*”, Nhiều là T muốn mua dâm nên nói “*ừ, cứ xuống đi*”. Sau đó, T và Đ bắt taxi đi đến nhà nghỉ B An; khi đến nơi gặp V ở quầy lễ tân, T nói “*chú gọi nhân viên cho cháu chưa?*”, V đáp “*ở đây giờ chỉ có 01 nhân viên thôi, có đi thì chú gọi*”, T bảo với Đ “*thế chơi chung nhé*”, Đ đồng ý thì T nói với V “*vậy chú gọi cho cháu, giá thế nào nhỉ*”, V đáp “*ba trăm nghìn một lượt, xuống phòng 103 nhé*”. Đúng lúc này Nguyễn Thị L (là nhân viên bán dâm của nhà nghỉ) đi từ tầng 3 xuống thì V nói với L “*đi với anh này xuống phòng 103*”, L hiểu là xuống phòng để bán dâm nên lấy 02 bao cao su để ở hộp trên quầy lễ tân rồi T và L vào phòng 103 để quan hệ tình dục với nhau, quan hệ xong, T đi ra và bảo Đ vào phòng 103 để quan hệ tình dục với L, khi Đ đi được một lúc thì T lấy 1.000.000 đồng ra trả cho V, V cầm tiền để xuống bàn, lấy tiền trả lại cho T thì bị lực lượng Công an vào kiểm tra bắt quả tang Đ và L đang mua bán dâm tại phòng 103, đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa các đối tượng về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ: 02 (hai) chiếc bao cao su đã qua sử dụng; 01 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP (còn 03 chiếc chưa sử dụng); tiền VNĐ: 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn); 01 giấy phép đăng ký kinh doanh và 01 giấy chứng nhận đảm bảo an ninh trật tự của nhà nghỉ B An; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO R7 màu trắng hồng số IMEI 1: 867934029441690, số IMEI 2: 8679344029441682 thu của Nguyễn Văn V; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A71 màu hồng số IMEI 1: 868499036569916, số IMEI 2: 868499036569908 thu của Ngô Đức T.

Cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện UH đã truy tố Nguyễn Văn V về tội “Chứa mại dâm” theo

quy định tại khoản 1 Điều 327 của BLHS.

Tại phiên toà: Bị cáo thừa nhận hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đ1 diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo V từ 15 tháng đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 40 tháng và phạt hình phạt bổ sung, phạt bị cáo phải nộp Ngân sách Nhà nước 10 triệu đồng. Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS: tịch thu tiêu hủy 02 (hai) chiếc bao cao su đã qua sử dụng; 01 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP (còn 03 chiếc chưa sử dụng); Trả lại bị cáo V01 giấy phép đăng ký kllh doanh và 01 giấy chứng nhận đảm bảo an ninh trật tự của nhà nghỉ B An; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền VNĐ: 1.000.000 đồng (*một triệu đồng chẵn*), tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO R7 màu trắng hồng số IMEL1: 867934029441690, số IMEL 2: 8679344029441682 thu của Nguyễn Văn Vllh. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà bị cáo nhận tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời trình bày của những người liên quan; vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Tối ngày 22/12/2019, Nguyễn Văn V đã thực hiện hành vi điều Nguyễn Thị L bán dâm cho Ngô Đức T và Trần Văn Đ tại phòng 103 nhà nghỉ của mình ở NL, xã LH, huyện UH để thu lời bất chính thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện UH truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn V đã thực hiện là xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, xâm phạm đến đời sống văn hóa và trật tự xã hội, là nguyên nhân dẫn đến phát sinh tội phạm khác. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Tuy nhiên, xét, bị cáo V không có tiền tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trình độ văn hóa thấp 7/10 nên nhận thức có phần hạn chế, chỉ nhất thời phạm tội do hám lời và chưa được thu lợi từ hành vi phạm tội, sức khỏe hiện tại thường xuyên đau ốm, kllh tế gia đình khó khăn, đã nhận thức

và hối hận về hành vi phạm tội của mình nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho h-ởng án treo, giao cho UBND nơi c- trú của bị cáo giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo; thể hiện chính sách pháp luật hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà n-ớc, giúp bị cáo yên tâm cải tạo là phù hợp với quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 - BLHS.

[3] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) là phù hợp.

[4]Đối với Ngô Đức T, Trần Văn Đ, là những người có hành vi mua dâm; Nguyễn Thị L có hành vi bán dâm vào ngày 22/12/2019 là vi phạm pháp luật. Ngày 06/02/2020 Công an huyện UH đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19, 20, 21 đối với Nguyễn Thị L, Ngô Đức T và Trần Văn Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]Đối với ngôi nhà Nguyễn Văn Vdùng để chứa mại dâm, có đủ căn cứ xác định thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của cả hộ gia đình bị cáo Vlh, việc chứa mại dâm, vợ con đều không biết, nên không có lỗi, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không xem xét việc tịch thu tài sản là phù hợp.

[6]Về xử lý vật chứng: Đối với 02 (hai) chiếc bao cao su đã qua sử dụng; 01 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP (còn 03 chiếc chưa sử dụng) cần tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 giấy phép đăng ký kllh doanh và 01 giấy chứng nhận đảm bảo an ninh trật tự của nhà nghỉ B An trả lại cho bị cáo Vlà phù hợp; Đối với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn) do phạm tội mà có và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO R7 màu trắng hồng số IMEL1: 867934029441690, số IMEL2: 8679344029441682 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội đã thu của Nguyễn Văn Vlh, nên cần tịch thu phát mại, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPOA71 màu hồng số IME1: 868499036569916, số IMEL2: 868499036569908 thu của Ngô Đức T, ngày 06/02/2020 Công an huyện UH đã trả lại cho Ngô Đức T, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7]Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 BLTTHS (năm 2015).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 BLHS; Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 BLTTHS, Nghị quyết số 02 ngày 15/05/2018 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng về án treo; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

2. Xử phạt Nguyễn Văn V 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng chẵn) để sung quỹ Nhà nước.

* Giao bị cáo Nguyễn Văn V cho UBND xã LH, huyện UH và gia đình quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 của Luật thi hành án hình sự (năm 2019).

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) chiếc bao cao su đã qua sử dụng; 01 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP (còn 03 chiếc chưa sử dụng); Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V 01 giấy phép đăng ký kinh doanh và 01 giấy chứng nhận đảm bảo an ninh trật tự của nhà nghỉ B An; Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước tiền VNĐ: 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn); tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu OPPOR7 màu trắng hồng số IMEL1: 867934029441690, số IMEL2: 8679344029441682. (Tình trạng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hoà ngày 13/3/2020 và theo giấy chuyển tiền ngày 06/3/2020).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Công an huyện UH;
- Chi cục THADS UH;
- UBND xã nơi bị cáo thường trú;
- Các đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện

